

Số: 33 /NQ-HĐND

Kỳ Hải, ngày 16 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KỶ HẢI
KỶ HỌP THỨ 8 - KHOÁ XX

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND huyện Kỳ Anh về Dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 9197/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện Kỳ Anh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách cấp xã năm 2024;

Sau khi xem xét Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 27/12/2023 của UBND xã về việc đề nghị phê chuẩn dự toán thu - chi ngân sách năm 2024, ý kiến thảo luận bổ sung của đại biểu HĐND xã;

HĐND xã tán thành báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu chi tài chính ngân sách năm 2023 và kế hoạch phân bổ tài chính ngân sách năm 2024 do UBND xã trình bày tại kỳ họp thứ 8 HĐND xã khóa XX nhiệm kỳ 2021-2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nay phân bổ dự toán thu chi tài chính ngân sách năm 2024 như sau:

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Ngân sách NN	Ngân sách xã hưởng
I	Phần thu ngân sách	33.999.010	19.668.510
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	630.000	630.000
2	Các khoản xã hưởng theo tỷ lệ %	28.186.000	13.727.500
3	Thu bổ sung cân đối ngân sách	5.183.010	5.183.010
II	Phần chi ngân sách		19.668.510
1	Chi đầu tư phát triển		13.600.000

2	Chi thường xuyên		5.938.510
3	Chi dự phòng NS		130.000

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2: Hội đồng nhân dân xã đồng ý với báo cáo và các mục tiêu phương hướng tổ chức việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách, công tác quản lý điều hành ngân sách năm 2024 như UBND xã đã trình, đồng thời nhấn mạnh một số điểm sau:

Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Ban tài chính ngân sách tổ chức thu đúng, thu đủ và kịp thời đảm bảo hoàn thành kế hoạch HĐND xã giao, tập trung thực hiện các giải pháp chống thất thu, tăng cường khai thác các nguồn thu, tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên để phát triển kinh tế và tăng thu ngân sách;

Thực hiện quản lý và điều hành chi ngân sách phải bám sát dự toán ngân sách và quy định của Luật ngân sách Nhà nước, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể, các đơn vị, thôn xóm trên địa bàn xã, chi tiêu tiết kiệm, kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí;

Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, lựa chọn đầu tư các công trình cần thiết, cấp bách, hạn chế nợ đọng khối lượng xây dựng cơ bản.

Điều 3: Tổ chức thực hiện: 1. Giao cho UBND xã thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có nội dung phát sinh, điều chỉnh, ủy ban nhân dân xã thống nhất với thường trực HĐND xã quyết định và báo cáo hội đồng nhân dân xã kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực HĐND, các ban HĐND và các đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND xã khoá XX kỳ họp thứ 08 thông qua ngày 12 tháng 01 năm 2024./

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- TT ĐU, HĐND, UBND xã;
- Các tổ, các vị đại biểu HĐND xã;
- Lưu VT, Ban TCNS xã.



Nguyễn Văn Bình

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Ban hành theo Nghị quyết số: 33/NQHĐND xã ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại kỳ họp thứ 8 HĐND xã khóa XX

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024 (HĐND huyện giao)		Dự toán năm 2024 (xã giao)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	2	4	5	6
	Tổng số thu	10.299.010	7.818.510	33.999.010	19.668.510
I	Thu ngân sách trên địa bàn	5.116.000	2.635.500	28.816.000	14.485.500
I	Các khoản thu 100%	630.000	630.000	630.000	630.000
-	Phí, lệ phí khác	20.000	20.000	20.000	20.000
-	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản	600.000	600.000	600.000	600.000
-	Thu khác tại xã	10.000	10.000	10.000	10.000
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.486.000	2.005.500	28.186.000	13.855.500
	Các khoản thu phân chia	156.000	128.000	156.000	128.000
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000	10.000	10.000	10.000
-	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	6.000	6.000	6.000	6.000
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	140.000	112.000	140.000	112.000
	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	4.330.000	1.877.500	28.030.000	13.727.500
-	Thu cấp quyền sử dụng đất (xã hưởng 50%)	3.500.000	1.750.000	27.200.000	13.600.000
-	Thuế GTGT, TNDN Doanh nghiệp (xã hưởng 20%)	100.000	20.000	100.000	20.000
-	Thuế GTGT, TNDN hộ kinh doanh (xã hưởng 70%).	150.000	105.000	150.000	105.000
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.000	2.500	5.000	2.500
-	Thuế thu nhập cá nhân (xã hưởng 0%)	575.000		575.000	
II	Thu chuyển nguồn				
III	Thu kết dư ngân sách năm trước				
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.183.010	5.183.010	5.183.010	5.183.010
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.183.010	5.183.010	5.183.010	5.183.010
	- Bổ sung có mục tiêu				

Ngày 16 tháng 01 năm 2024

Chủ tịch HĐND

Nguyễn Văn Bình

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Ban hành theo Nghị quyết số: 33/NQHĐND xã ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại kỳ họp thứ 8 HĐND xã khóa XX

DVT: 1000 đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2024		
		Tổng số	Chi ĐTPT	Chi thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số chi	19.668.510	13.600.000	6.068.510
I	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	477.728		477.728
1.1	<i>Chi dân quân tự vệ</i>	301.328		301.328
	PC trách nhiệm Chính trị viên, Chi huy trưởng (2 ng*357,6*12)	8.582		8.582
	PC trách nhiệm Chính trị viên phó, Chi huy phó (2 ng*327,8*12)	7.867		7.867
	PC trách nhiệm Trung đội trưởng cơ động (1 ng*298*12)	3.576		3.576
	Phụ cấp trách nhiệm Thôn đội trưởng 5 ng*208,6*12)	12.516		12.516
	Phụ cấp trách nhiệm Tiểu đội trưởng (4 ng*149*12)	7.152		7.152
	Phụ cấp thâm niên chi huy trưởng	9.066		9.066
	Phụ cấp thâm niên chi huy phó	2.043		2.043
	Phụ cấp thâm niên chính trị viên phó	3.696		3.696
	Phụ cấp đặc thù Chi huy phó	21.456		21.456
	Phụ cấp đặc thù trung đội trưởng cơ động (149*12)	1.788		1.788
	Phụ cấp đặc thù tiểu đội trưởng cơ động	3.240		3.240
	PC thôn đội trưởng (1800*0,5*5*12)	54.000		54.000
	Tiền công huấn luyện	136.345		136.345
	Kinh phí hoạt động	30.000		30.000
1.2	<i>Chi trật tự an toàn xã hội</i>	176.400	-	176.400
-	Kinh phí hoạt động	60.000		60.000
-	Phụ cấp	116.400		116.400
	Đội trưởng đội dân phòng (0,17*3250*12*6)	33.150		33.150
	Đội phó đội dân phòng (0,15*3250*12*6)	29.250		29.250
	Công an viên (5 ng x 0,5*1800*12 tháng)	54.000		54.000
2	Chi giáo dục	10.000		10.000
3	Chi dân số, y tế	36.000		36.000
	PC nhân viên y tế thôn (5ng*0,3*1.800*12T)	32.400		32.400
	Kinh phí hoạt động	3.600		3.600
4	Chi văn hóa, thể thao thông tin, tuyên truyền	160.000		160.000
	Chi Văn hóa, thông tin	55.000		55.000
	Thể thao	30.000		30.000
	Truyền thanh	30.000		30.000
	Khu dân cư	25.000		25.000
	Thực hiện cuộc vận động XDNTM	20.000		20.000
5	Chi bảo vệ môi trường	50.000		50.000
6	Chi các hoạt động Kinh tế	474.189	-	474.189
	- Giao thông, thủy lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp	474.189		474.189
7	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.025.953	-	4.025.953
7.1	Quản lý nhà nước	2.431.248		2.431.248
7.1.1	Khối QLNN	2.144.248		2.144.248
-	<i>Lương và các khoản phụ cấp:</i>	1.911.451		1.911.451
	CB công chức (48,89*1.800*12T)	1.056.024		1.056.024
	BHXH; BHYT; KPCĐ (38,45*1.800*22,5%*12T)	186.867		186.867
	Can bộ KS thủ tục hành chính (15*22ngày*2ng*12T)	7.920		7.920
	Hợp đồng bảo vệ, đưa công văn, NTM: 3 người	72.000		72.000
	Phụ cấp thôn trưởng (9*1.800*12T)	194.400		194.400
	Hỗ trợ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	36.000		36.000



TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2024		
		Tổng số	Chi ĐTPT	Chi thường xuyên
	Chế độ bồi dưỡng tiếp công dân	12.000		12.000
	Phụ cấp cho người hoạt động ở thôn theo NQ 111 = 12*1.800*12	259.200		259.200
	Thuê quản lý ao hồ, đê điều, quản lý cống NTTS	36.000		36.000
	PC các thành viên trang thông tin điện tử xã	41.040		41.040
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động ban giám sát cộng đồng	5.000		5.000
	Thanh tra nhân dân	5.000		5.000
-	<i>Kinh phí hoạt động</i>	232.797		232.797
	Tuyên truyền phổ biến pháp luật	20.000		20.000
	Nhiệm vụ hòa giải cơ sở	10.000		10.000
	Xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	10.000		10.000
	Kinh phí hoạt động	192.797		192.797
7.1.2	Hội đồng nhân dân xã	287.000		287.000
	PC đại biểu HĐND xã (25ng*0,3*1.800*12T)	162.000		162.000
	BHYT 4,5% (5ng*1.800*4,5%*12T)	4.860		4.860
	Khoản cấp tài liệu đại biểu (25ng*50*12T)	15.000		15.000
	Khám sức khỏe	12.500		12.500
	Phụ cấp kiêm nhiệm của chủ tịch HĐND 0,3*1800*12th	6.480		6.480
	Phụ cấp kiêm nhiệm 2 trưởng ban (0,2*2*1.800*12 tháng)	8.640		8.640
	Phụ cấp kiêm nhiệm 2 phó trưởng ban (0,1*2*1.800*12 tháng)	4.320		4.320
	Kinh phí hoạt động	73.200		73.200
7.2	Đảng Cộng sản Việt Nam	812.812		812.812
-	<i>Lương và các khoản phụ cấp:</i>	727.812		727.812
	Đảng ủy (10,45*1.800*12T)	225.720		225.720
	BHXH; BHYT; KPCĐ (8,2*1.800*22,5%*12T)	39.852		39.852
	PC Đảng ủy viên (15ng*0,3*1.800*12T)	97.200		97.200
	PC UVUB kiểm tra Đảng (5ng*0,2*1.800*12T)	21.600		21.600
	Văn phòng Đảng ủy (1,2*1800*12T)	25.920		25.920
	PC Tổ chức Đảng, kiểm tra, dân vận, TG (1,2*1800*12)	25.920		25.920
	Bí thư chi bộ kiêm MT thôn 5 người (HS 13,5*1.800 đ*12th)	291.600		291.600
-	<i>Kinh phí hoạt động</i>	85.000		85.000
	Kinh phí hoạt động (sau khi trừ đảng phí để lại)	75.000		75.000
	Hoạt động Chi bộ cơ sở Đảng	10.000		10.000
7.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	208.682		208.682
-	<i>Lương và các khoản phụ cấp:</i>	140.492		140.492
	Chủ tịch MTTQ xã (4,51*1.800*12T)	97.416		97.416
	BHXH; BHYT; KPCĐ (3,53*1.800*22,5%*12T)	17.156		17.156
	Phó chủ tịch MTTQ xã (1,2*1.800*12T)	25.920		25.920
-	<i>Kinh phí hoạt động (bao gồm đại hội)</i>	68.191		68.191
7.4	Đoàn thanh niên Cộng sản HCM	148.738		148.738
-	<i>Lương và các khoản PC</i>	118.033		118.033
	Bí thư đoàn xã (3,63*1.800*12T)	78.408		78.408
	BHXH; BHYT; KPCĐ (2,82*1.800*22,5%*12T)	13.705		13.705
	Phó Bí thư đoàn xã (1,2*1.800*12T)	25.920		25.920
-	<i>Kinh phí hoạt động</i>	30.704		30.704
7.5	Hội Liên hiệp Phụ nữ	148.738		148.738
-	<i>Lương và các khoản PC</i>	118.033		118.033
	Chủ tịch hội Phụ nữ xã (3,63*1.800*12T)	78.408		78.408
	BHXH; BHYT; KPCĐ (2,49*1.800*22,5%*12T)	13.705		13.705
	Phó Chủ tịch hội Phụ nữ xã (1,2*1.800*12T)	25.920		25.920
-	<i>Kinh phí hoạt động</i>	30.704		30.704
7.6	Hội Cựu chiến binh	91.872		91.872
-	<i>Lương và các khoản PC</i>	75.384		75.384
	Chủ tịch hội CCB xã (2,29*1.800*12T)	49.464		49.464
	Phó Chủ tịch hội CCB xã (1,2*1.800*12T)	25.920		25.920

TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2024		
		Tổng số	Chi ĐTPT	Chi thường xuyên
-	Kinh phí hoạt động	16.488		16.488
7.7	Hội Nông dân	134.503		134.503
-	Lương và các khoản PC	107.357		107.357
	Chủ tịch hội ND xã (3,21*1.800*12T)	69.336		69.336
	BHXH; BHYT; KPCĐ 22,5% NSNN (2,49*1.800*22,5%*12T)	12.101		12.101
	Phó Chủ tịch hội ND xã (HS: 1,2*1.800*12T)	25.920		25.920
-	Kinh phí hoạt động	27.146		27.146
7.8	Hội người cao tuổi	24.680		24.680
-	CT hội người cao tuổi hệ số 1,05	22.680		22.680
-	Hoạt động	2.000		2.000
7.9	Hội chữ thập đỏ, BTXH	24.680		24.680
-	Chủ tịch (hệ số 1,05)	22.680		22.680
-	Chi hoạt động	2.000		2.000
8	Quỹ thi đua khen thưởng	18.000		18.000
9	Chi cho công tác xã hội	348.935		348.935
-	Trợ cấp thường xuyên cán bộ xã nghỉ việc (hưu xã 130,111)	298.935		298.935
	Hưu trí: Mức 3.180*5ng; Mức 2.997*3ng	298.692		298.692
	BHYT hưu xã 3*4,5*1.800	243		243
-	Sự nghiệp xã hội khác	50.000		50.000
10	Chi khác ngân sách (0,5%)	211.458		211.458
11	Trích lập CCTL (10%TK chi TX)	126.248		126.248
II	Chi dự phòng ngân sách (2% chi TX)	130.000		130.000

Ngày 16 tháng 01 năm 2024
 Chủ tịch HĐND

 Nguyễn Văn Bình

HĐND XÃ KỶ HẢI**PHỤ LỤC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2024**

(Ban hành theo Nghị quyết số: 33/NQHĐND xã ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại kỳ họp thứ 8 HĐND xã khóa XX

ĐVT: 1.000 đ

TT	Tên công trình	Dự toán năm 2024		
		Tổng	NS xã	Nguồn khác
	Tổng cộng	14.700.000	13.600.000	1.100.000
I	Chi đầu tư mới	11.550.000	10.450.000	1.100.000
1	Mương, đường thôn Thượng Hải, thôn Nam Hải,	1.900.000	1.900.000	
2	sửa chữa, nâng cấp 8 phòng học trường Mầm Non	1.500.000	1.500.000	
3	Nâng cấp tuyến đường từ UB đến bà Quỳnh Hoa	650.000	650.000	
4	Quy hoạch phân lô khu thương mại dịch vụ - BSH	1.800.000	1.800.000	
5	Quy hoạch hạ tầng khu vực Đập Cưng	3.000.000	3.000.000	
6	Xây dựng khu dân cư NTM thông minh, chuyển đổi số	300.000	300.000	
7	Công trình hỗ trợ xi măng	2.400.000	1.300.000	1.100.000
-	Đường nội đồng từ nhà ông Hà Nam Hải - cây xăng: 295m)			
-	Đường Thượng Hải đi Nghĩa địa Bắc Hải: 745m			
-	Mương nội đồng từ cống chào đến cửa Ông Thắm:			
-	Mương nội đồng từ cống sân bay đến cửa Ông Thông			
-	Đường nội đồng Bắc Sơn Hải			
-	Đường ngõ xóm Bắc Sơn Hải			
II	Trả nợ năm 2023 về trước	3.150.000	3.150.000	0
1	Nhà văn hóa xã	100.000	100.000	
2	Trường TH&THCS Kỳ Hải	100.000	100.000	
3	Cống và kênh Đập đò Bắc Sơn Hải	100.000	100.000	
4	Đường cấp phối hồ Đập Lác	100.000	100.000	
5	Mương Nam Hải - Kỳ Hà	100.000	100.000	
6	Đường Nam Hải - Kỳ Hà	100.000	100.000	
7	Đường hoa các thôn	300.000	300.000	
8	Khuôn viên trường Mầm Non	500.000	500.000	
9	Trường Mầm Non (6 phòng học)	850.000	850.000	
10	Cống chào UB	300.000	300.000	
11	Đường GTNT các thôn	200.000	200.000	
12	Đường điện cao áp (từ cây xăng đến Trạm y tế)	400.000	400.000	

Kỳ Hải, ngày 16 tháng 01 năm 2024

Chủ tịch HĐND xã



Nguyễn Văn Bình